

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÂN BỐ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2025 (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Chiềng Mung)

ĐVT: Đồng

ST T	Nội dung	Số tiền	Đơn vị thực hiện	Quyết định UBND tính giao kinh phí	Ghi chú
	Tổng số	9.802.768.188			
1	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025	3.798.000.000	Phòng Văn hoá - Xã hội; các Trường học trên địa bản xã	QĐ số 3374, ngày 29/12/2025	<i>Chi tiết tại Phụ lục số 01</i>
2	Kinh phí hỗ trợ khắc phục bệnh dịch theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP (hỗ trợ dịch tả lợn châu phi trên địa bàn xã Chiềng Mung (đợt 3) năm 2025)	1.816.000.000	Phòng Kinh tế	QĐ số 3371 ngày 29/12/2025	
3	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung	1.400.000.000	Văn phòng Đảng uỷ	QĐ số 3390 ngày 29/12/2025	
4	Kinh phí hoạt động của Trạm y tế xã Chiềng Mung	1.151.167.000	Trạm Y tế	QĐ số 3333 ngày 25/12/2025	<i>Chi tiết tại Phụ lục số 02</i>
5	Phân bổ kinh phí cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Chiềng Mung	717.486.332	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	QĐ số 3342 ngày 26/12/2025; số 3376 ngày 29/12/2025	<i>Chi tiết tại Phụ lục số 03</i>
5.1	Kinh phí hoạt động của Trung tâm dịch vụ tổng hợp	204.006.332			
5.2	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa	513.480.000		QĐ số 3412 ngày 30/12/2025	
6	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ	599.714.856	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	QĐ số 3371 ngày 29/12/2025	<i>01 Đối tượng phê duyệt tại QĐ số 709/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã</i>
7	Kinh phí thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 cho người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội theo Nghị Quyết số 418/NQ-CP ngày 28/12/2025 của Chính phủ (đợt 1)	320.400.000	Phòng Văn hoá - Xã hội	QĐ số 3417 ngày 30/12/2025	

Phụ lục số 01

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Chiềng Mung)

ĐVT: Đồng.

STT	Nội dung	Số phân bổ kỳ này	Ghi chú
1	2	3	4
	Tổng cộng	3.798.000.000	
I	Các chính sách thuộc Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	3.249.149.000	
1	Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (thay thế Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP)	3.198.157.000	
1.1	Phòng Văn hoá và Xã hội	2.714.700.000	
1.2	Trường Mầm non Mường Bằng	69.172.000	
1.3	Trường TH và THCS Mường Bằng	81.336.000	
1.4	Trường TH và THCS Hoàng Văn Thụ	25.596.000	
1.5	Trường Mầm non Chiềng Mung	95.811.000	
1.6	Trường TH và THCS Chiềng Mung	61.936.000	
1.7	Trường Mầm non Mường Bon	68.016.000	
1.8	Trường TH và THCS Mường Bon	81.590.000	
2	Kinh phí thực hiện hỗ trợ học sinh bán trú Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ	50.992.000	
1.1	Trường Mầm non Mường Bằng	12.760.000	
1.2	Trường Mầm non Chiềng Mung	11.520.000	
1.3	Trường Mầm non Mường Bon	11.160.000	
1.4	Trường TH và THCS Hoàng Văn Thụ	15.552.000	
II	Chi đảm bảo xã hội	548.851.000	
1	Chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ	548.851.000	
1.1	Phòng Văn hoá - Xã Hội	548.851.000	

Phụ lục số 02

Phân bổ kinh phí hoạt động cho Trạm Y tế xã Chiềng Mung năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Chiềng Mung)

ĐVT: Đồng.

STT	Nội dung	Số phân bổ kỳ này	Ghi chú
	Tổng	1.151.167.000	
	Sự nghiệp Y tế	1.151.167.000	
I	Chi thường xuyên giao thực hiện tự chủ	1.066.167.000	
1	Chi hoạt động thường xuyên (Lương, phụ cấp, ngoài giờ, công tác phí, chuyển đổi số, điện, nước, văn phòng phẩm, các khoản chi trong định mức,...)	813.619.000	
2	Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	252.548.000	
II	Chi thường xuyên, không giao tự chủ	85.000.000	
1	Kinh phí thực hiện chính sách đối với cộng tác viên dân số tiểu khu, tổ dân phố theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND tỉnh	72.000.000	
2	Kinh phí thực hiện chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số theo Nghị Quyết 42/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	1.000.000	
3	Kinh phí tiền trực theo QĐ73/2011	12.000.000	

Phụ lục 03

Phân bổ kinh phí cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Chiềng Mung)

ĐVT: Đồng.

STT	Nội dung	Số phân bổ kỳ này	Ghi chú
	Tổng	717.486.332	
A	Sự nghiệp Văn Hoá - Thông tin, TDTT và TTTH	65.284.754	<i>QĐ số 3342/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh</i>
I	Chi thường hoạt động xuyên, giao thực hiện tự chủ	65.284.754	
1	Chi hoạt động thường xuyên (Lương, phụ cấp, ngoài giờ, công tác phí, chuyển đổi số, điện, nước, văn phòng phẩm, các khoản chi trong định mức,...)	31.284.754	
2	Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	34.000.000	
B	Sự nghiệp kinh tế	652.201.578	
I	Chi hoạt động thường xuyên, giao thực hiện tự chủ	138.721.578	<i>QĐ số 3376/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND tỉnh</i>
1	Chi hoạt động thường xuyên (Lương, phụ cấp, ngoài giờ, công tác phí, chuyển đổi số, điện, nước, văn phòng phẩm, các khoản chi trong định mức,...)	103.958.538	
2	Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	34.763.040	
II	Chi thường xuyên giao không tự chủ	513.480.000	
1	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa	513.480.000	<i>QĐ số 3412/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh</i>